

TƯ DUY THƠ VĂN CAO

Phùng Gia Thế

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Tóm tắt: Văn Cao có những đóng góp quan trọng về thơ, tuy nhiên việc nghiên cứu thơ ông đến nay vẫn còn nhiều vấn đề để ngỏ. Tiếp cận thơ Văn Cao từ bình diện tư duy giúp lí giải chiều sâu sáng tạo trong các sáng tác của ông, trên cơ sở đó thấy được sự vận động của quan niệm, cái nhìn và những biểu hiện phong phú trong thế giới nghệ thuật Văn Cao. Ở đây, chúng tôi không nhìn tư duy thơ những phạm trù, mà tập trung phân tích sự triển hiện các sắc thái tư duy Văn Cao qua những thế giới nghệ thuật thơ. Trên cơ sở phương pháp hệ thống và cái nhìn lịch sử, bài viết nghiên cứu đặc điểm, diễn trình tư duy thơ Văn Cao qua các chặng đường sáng tác nhằm chỉ ra sự độc đáo riêng có và những đóng góp của ông đối với tiến trình thơ ca Việt Nam như hiện đại.

Từ khóa: Văn Cao, thơ ca, tư duy, cái nhìn, thi pháp

Nhận bài ngày 12.12.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 26.01.2024

Liên hệ tác giả: Phùng Gia Thế; Email: phunggiathe@hpu2.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Văn Cao là nghệ sĩ thiên tài. Trong hành trình sáng tạo của mình, ông có những đóng góp xuất sắc trên cả ba lĩnh vực nghệ thuật: âm nhạc, hội họa và thi ca. Thực tiễn cho thấy, Văn Cao được công chúng và giới nghiên cứu ghi nhận những đóng góp lớn lao về âm nhạc và một phần của hội họa, song trên lĩnh vực thơ ca, việc nghiên cứu và giới thiệu Văn Cao vẫn còn một khoảng trống khá lớn. Các bài viết, công trình nghiên cứu thơ Văn Cao xuất hiện rải rác trên các báo, tạp chí. Tiêu biểu trong số đó, chẳng hạn như: “Nhớ Văn Cao và câu chuyện làm thơ” của Hoàng Cầm [1], “Cảm nhận Văn Cao” của Hoàng Phủ Ngọc Tường [2], “Văn Cao thơ” của Thanh Thảo [3], “Ba biến khúc của Văn Cao” của Nguyễn Trọng Tạo [4], “Văn Cao lá khát vọng” của Đặng Tiên [5], “Nhà thơ Văn Cao” của Thiên Sơn [6], “Thơ chân thương của Văn Cao” của Văn Giá [7], “Văn Cao, một tiếng thơ vang vang cả lòng cả đất” của Nguyễn Hoài Nam [8], “Văn Cao thơ - hôm qua và hôm nay” của Bùi Việt Thắng [9]...

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, các bài viết về Văn Cao chủ yếu tập trung tiếp cận con người tiểu sử, hành trình sáng tác và thế giới nghệ thuật thơ ông, trong khi vấn đề tư duy nghệ thuật, một đặc tính cốt lõi làm nên bản sắc Văn Cao lại chưa được quan tâm thỏa đáng. Ở đây, chúng tôi quan niệm, bản sắc và đóng góp của nhà thơ trong tiến trình văn học không nằm ở hành trình sự kiện, hành trình lịch sử sáng tác, mà ở một vấn đề cốt lõi: hành trình của tư duy. Tư duy thơ Văn Cao chịu sự quy định bởi đặc điểm tâm - sinh lý, cá tính, kinh nghiệm sống, kinh nghiệm thẩm mỹ và môi trường văn hóa - xã hội, thời đại của nhà thơ. Nét độc đáo trong tư duy thơ Văn Cao thể hiện rõ nhất trong quan niệm, cái nhìn và những triển hiện thi pháp mang đậm cá tính sáng tạo của ông.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Trong *Mấy ý nghĩ về thơ* (1957), Văn Cao ví việc đọc một nhà thơ giống như đi theo một dòng sông lớn mà ở đó “dù bắt đầu từ khúc nào, dù ghé vào bến nào, chúng ta đều phải nghĩ là ngược lên nguồn thì đường dài lắm, mà xuôi ra biển thì biển còn xa” [10]. Ở một chỗ khác của

bài, ông chiêm nghiệm: “Cuộc đời và Nghệ thuật của nhà thơ phải là những dòng sông lớn càng trôi càng thay đổi, càng trôi càng mở rộng” [11].

Về thơ, Văn Cao sáng tác không nhiều (khoảng trên dưới 70 bài) nhưng thơ là trường hợp đặc biệt của ông. Đặc biệt trước hết ở chỗ, thơ Văn Cao chủ yếu được tạo sinh ở những thời điểm nhiều thăng trầm nhất của cuộc đời. Phân tích hành trình tư duy thơ Văn Cao, sẽ thấy sự vận động của thế giới nghệ thuật thơ và những đóng góp độc đáo của nhà thơ trong tiến trình thơ ca Việt Nam hiện đại.

2.1. Giai đoạn trước 1945

Trước 1945, Văn Cao chủ yếu sáng tác nhạc và từng có triển lãm hội họa. Các bài thơ đã công bố giai đoạn này chỉ chừng khoảng mười bài: *Li khách*, *Linh cảm tiến*, *Ai về Kinh Bắc*, *Đêm ngàn*, *Đêm mưa*, *Một đêm đàn lạnh trên sông Huế...*, và hai bài thơ được chính ông phổ nhạc thành các ca khúc bất hủ: *Bài thơ bên suối* (ca khúc *Suối mơ*), *Thu cô liêu*. Có thể chia thơ Văn Cao thời kỳ này làm hai nhánh. Nhánh thứ nhất là những bài mang âm hưởng lãng mạn hoài cổ “*đẹp - buồn - xa vắng*” pha chút trầm hùng - bi tráng, một tông thơ vốn dĩ khá phổ biến bấy giờ (kiểu *Tống biệt hành* của Thâm Tâm, *Dặm về* của Nguyễn Đình Tiên...): “*Xót đời linh thú không tên tuổi/Cả một nghìn thay đổi lấy thành/Nói đến cuộc đời còn chẳng tiếc/Tiếc gì nước mắt đón đưa anh!*” (*Li khách*) [12]; “*Hỡi người cười ngựa về Kinh Bắc/Tôi gửi đưa thư hộ mẹ già/Cố thét song lời tôi yếu quá/Ngựa đều chân chạy nhạc càng xa*” (*Ai về Kinh Bắc*)... Đền *Một đêm đàn lạnh trên sông Huế*, *Bài thơ bên suối*, *Thu cô liêu*, có thể xem là nhánh thứ hai, thơ Văn Cao đi qua Thơ mới, chạm vào cõi tượng trưng, nhuần nhị với cách dùng nhạc điệu, biểu tượng trong diễn tả cảm xúc, phảng phất trực giác mơ hồ: “*Nảy nảy tơ đồng nhịp nhịp đôi/Lòng nâng ngọn ngọt lại đầu môi/Này em hát khúc tương tư nhé/Ngâm khế em ơi nhẹ nhẹ lời/Sao đàn u hoài gì mùa thu?/Sao đàn u hoài gì mùa thu?/Tri âm nghe thử dây đồng vọng/Lạc lững đêm vàng khi nhạc ru*” (*Một đêm đàn lạnh trên sông Huế*); “*Suối mơ bên rừng thu vắng/Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng/Ngày chưa đi sao gió vương?/Bờ xanh ngắt bóng đôi cây thùy dương*” (*Bài thơ bên suối*)...

Như thế, trong giai đoạn trước 1945 (khoảng từ 1939 - 1945), mặc dầu không chú tâm sáng tác thơ và sáng tác không nhiều, song tư duy thơ Văn Cao đã có sự chuyển dịch mau lẹ từ Thơ mới lãng mạn sang Thơ mới tượng trưng, một đỉnh cao của trường thơ lãng mạn. Điều này cho thấy phản xạ nghệ thuật nhạy bén trong tư duy Văn Cao trên con đường sáng tác và cách tân thơ. Nhờ đó, những bài thơ giai đoạn này còn neo lại được với thời gian.

2.2. Giai đoạn 1945 - 1954

Năm 1945, Văn Cao viết *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc*, bài thơ đánh dấu bước dịch chuyển quan điểm thẩm mỹ của Văn Cao, mở đường cho một kiểu tư duy thơ suốt quãng thời gian sau đó. Thế giới thơ đẹp, buồn, “cô liêu”, “tịch liêu” khép lại, nhường chỗ cho một Văn Cao dân thân, sát gần với tiếng rên xiết, gào réo của những lớp người cần lao đau khổ. Lúc này, Văn Cao đã là người của cách mạng, nhưng bài thơ được ông viết ra trong cảm trạng tinh thần của một thi nhân. Khác với “cái nhìn lãng mạn”, “bút pháp tượng trưng” trước đây, *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc*, dưới “cái nhìn cụ thể” và bút pháp huyền ảo - kinh dị đã vẽ ra một hiện cảnh âm u, một không gian địa ngục ngay giữa lòng Hà Nội: “*Ngã tư nghiêng nghiêng đóm lửa/Chập chờn ảo hóa tà ma [...]/Đôi dây hồng lâu mở cửa phàn sa/Rũ rượi tóc những hình hài địa ngục*”... Đọc *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc*, có cảm giác như đang xem một bộ phim ma kinh dị, mà ở đó, mọi giác quan bị chiếm đoạt khiến độc giả không ít lần rùng mình ghê sợ. Trung tâm của đêm tối địa ngục là hình ảnh “chiếc xe ma”. Ánh sáng “chập chờn”; hình ảnh “rũ rượi tóc”, “áo thê-hoa rũ rượi lượn đêm trường”, “từng mỹ-thể rạc hơi đèn phù thê”, “đâm đĩa rả rích”; thanh âm “lạnh ngắt tiếng ca nhi phách giục”, “chuối tiền cười lạnh lẻo”, “hun hút gió”, “bánh nghiêng nhựa đường nghe sào sạo”; động tác thây đều gọi chết chóc tang thương (“vạc xương đồ sộ”)... *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc* là một điệp khúc thê lương, vô vọng, mờ ảo giữa thế giới người sống và thế giới chập chờn địa ngục nơi

xóm cô đầu. Cũng phải nói, trong lịch sử thi ca, ít khi Thăng Long - Hà Nội được vẽ trong cảnh tang thương như thế.

Mùa thu năm 1945, bão táp cách mạng nổ ra. Không gian miền Bắc xoay chuyển như vũ bão. Văn Cao vừa làm cách mạng, vừa làm nghệ thuật. Cách mạng thuận chiều cho nghệ thuật mới, nhưng với nghệ thuật nói chung thì không phải bao giờ cũng giản đơn như vậy. Trong một lần trò chuyện với Hoàng Phủ Ngọc Tường, ông nói: “Đời tôi khát vọng nghệ thuật hơn là phải cầm súng. Thời 1943 - 1944, day dứt của tôi là cách mạng hay nghệ thuật? Từ năm 41 tôi đã làm cảm tình cách mạng nhưng chưa bao giờ muốn tham gia một cách đứng đắn, vì làm cách mạng thì phải bỏ nghệ thuật. Năm 1944 người chết đói đầy đường. Tới đây, tôi thấy nghệ thuật không còn góc ngách nào để sống: cái đói ở người nghệ sĩ còn giày vò hơn cái đói của người dân thời đó, vì đây là cái đói của cả một dân tộc. Tôi nhận lời tham gia nhập ngũ” [13].

Giai đoạn 1945 - 1954, khác với phần lớn các nhà thơ mê mãi reo vui, lâng lâng trên mặt đất, Văn Cao không sử thi hóa hiện cảnh, mà kiên định lối thơ riêng, không hòa lẫn trong tiếng hát, tiếng hét thời đại, ngay ở những bài thơ nhìn cuộc đời bằng con mắt mới. Nói khác đi, con người cách mạng Văn Cao không lẫn át hay che khuất con người nghệ sĩ với một trực giác và sự nhạy cảm quá lớn. Văn Cao cách mạng mà vẫn rất Văn Cao. *Ngoại ô mùa đông 1946* là một thí dụ (không phải ngẫu nhiên, ba mươi năm sau, vào “mùa xuân đầu tiên”, năm 1976, trong tiếng nhạc lấp lánh reo vui, vẫn hiện ra một đôi mắt u trầm). Điềm qua quãng đời buồn với chất giọng trầm lắng là cách kiểm diện lịch sử riêng có của Văn Cao: “*Em gái Ngã Tư Sở/Anh người thợ Nam Đông/(Đêm xanh ca khốn khổ/Đập tan đàn khi nhạc mới mênh mông)/Xác anh vùi lửa đạn/Xác em vùi bên anh/Khói súng mờ bay nhạt cả xóm tranh/Lửa bùng lên cháy rực phía đô thành/Cửa ô!/Cửa ô!/Cửa ô!/Oai hùng/Dữ dội*”... Để rồi cứ thế, “Bấy nhiêu người đời khổ”, rồi “Bấy nhiêu người đau khổ đã vuron cao”. Dường như, ngay cả khi viết trong tâm thế reo vui, lấp lánh hi vọng vào cuộc đổi thay lịch sử với cảm hứng sử thi cao nhất, Văn Cao vẫn chưa bao giờ là con người của số đông. Chính xác hơn, ông luôn cảm nhận được mình trong đám đông, như trước kia, ông cảm thấy mình trong sâu thẳm vũ trụ. Tiếng thơ của ông lặn vào trong, đây đó phảng phất ánh mắt u sầu của một người ưa quan sát. *Ngoại ô mùa đông 1946* (in 1948) được viết trong một độ lùi thời gian. Bài thơ mang đậm tính hiện thực suy tưởng, vừa thời sự, vừa lắng sâu về một Hà Nội hào hùng, đau thương giờ xa xăm trong miền nhớ. Câu kết phảng phất mơ hồ: *Mùa xuân về giữa chiến hào xa...*

Văn Cao tâm niệm, thơ ca trước hết phải là sự dân thân. Trong *Mấy ý nghĩ về thơ*, ông viết: “Đến với cuộc đời, nhà thơ không chịu đựng một sự may rủi mà phải chủ định thành lập nên sự thăm mĩ cho người đọc, chủ động xây dựng con người biết tư tưởng cảm xúc và cảm giác tinh tế như mình trong xã hội đương thời và trong cả sau này” [14]. Ông cũng thấu hiểu sự nghiệt ngã của nghệ thuật: Người ta “không muốn nghe lại những ý những lời đã cũ... Người ta yêu những người có mở đường mà thất bại, yêu những người biết thất bại mà dám mở đường” [15].

Không còn nghi ngờ gì nữa, điều làm thành một Văn Cao như thế là cốt cách nghệ sĩ và bản lĩnh của ông. Năm 1949, trong cuộc tranh luận về thơ không vần tại Việt Bắc, trong số rất ít người đứng về Nguyễn Đình Thi, có Văn Cao. Quan niệm này ngược với cái nhìn phổ quát đương thời về tính đại chúng trong thơ, đồng thời cũng là sự vượt qua hệ hình Thơ mới. Lúc này, không gian thơ sử thi chiếm thế ưu thắng, thơ ca chuyển trạng thái, từ Thơ mới, thơ hiện đại trở về sử thi huyền thoại, Văn Cao vẫn kiên nhẫn con đường hiện đại của riêng ông. Đến đây ta mới hiểu, khái niệm “đổi mới” dùng cho văn học sau 1986 dường như chỉ đúng với nền văn học sử thi và những quán tính của nó. Trong dòng chảy văn chương 1945 - 1975, ở những không gian hẹp (và không mấy được khuyến khích), câu chuyện đổi mới thơ vẫn âm ỉ diễn ra, trong những căn phòng riêng, của một số nhà thơ tiên phong, và bởi những lý do riêng chung, đã chịu không ít thiệt thòi.

Lịch sử tạo ra kiểu nghệ sĩ như Văn Cao, chọn lối sống tách ra khỏi đám đông, và đến lượt mình, ông cũng góp phần tạo ra cái lịch sử ấy. Trong thơ, khí cốt nghệ sĩ Văn Cao bộc lộ qua cái nhìn của ông với con người, với cuộc đời, và với chính thơ ca. Không phải ngẫu nhiên, *Chiếc xe*

xác qua phường Dạ Lạc và Ngoại ô mùa đông 1946 được xem là những thi phẩm độc đáo và xuất sắc của thơ ca Việt Nam giai đoạn chống Pháp 1945 - 1954.

2.3. Giai đoạn 1954 - 1975

Giai đoạn 1954 - 1975, trường ca *Những người trên cửa biển* (1956) đóng một vai trò then chốt trong sự nghiệp Văn Cao, theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng của từ này. *Những người trên cửa biển* gồm 4 phần: I. Ai biết Hải Phòng là đâu; II. Tình yêu và khát vọng; III. Những ngày động biển; IV. Những ngày báo hiệu mùa xuân. *Những người trên cửa biển* thể hiện sức vóc cảm xúc và nội lực mãnh liệt của Văn Cao. Khác với phần lớn các bài thơ trước đó (và dường như có phần tương hợp với *Ngoại ô mùa đông 1946*), *Những người trên cửa biển* chen lẫn những cảm xúc sử thi hào hùng, song trên hết, vẫn là một cảm trạng và rung động nghệ sĩ riêng có của Văn Cao, khiến ông có những câu thơ hay đến sùng sờ: “*Sinh ra tôi đã có Hải Phòng/Đầu nhà mới trồng cây mận*”; “*Tôi hay đi trên cầu sương/Nửa đêm thức giấc/Thấy mình bay cùng tinh tú/Ngày đến lòng tôi xếp cánh*”. Ca ngợi Hải Phòng, ca ngợi cuộc sống mới, nhưng trường ca tuyệt nhiên không có câu từ gượng ép, thứ lợ. Văn Cao viết về Hải Phòng với một tình yêu mãnh liệt thắm sâu. Trong những phút giây xúc động nhất, xúc cảm vẫn được dồn nén thật chặt, thật sâu qua từng con chữ, như tình cảm của ông với quê hương, với tổ quốc mẹ hiền: “*Con đường tôi đi/Sau lưng là dĩ vãng/Hai bàn tay bới đất sống, lấp sông lấp ngòi/Những ngày mùa còn dư âm trong điệu hát/Trước mặt tôi trời đất rộng bao la/Tiếng mẹ hát bên nôi/Như uống nước con sông biết ngọn biết nguồn/Một tiếng vang vang cả lòng cả đất/Dĩ vãng sống với tôi/Sâu như lòng sông khúc biển*”.

Sự thay đổi tâm trạng của Văn Cao cũng tự nhiên trong mạch thơ ấy: “*Những năm Hải Phòng đầy biển động/Đời tôi như cái phao trên mặt biển/Có năm người ta đánh Hoa Kiều/Bạn cha tôi về chết bên cây mận/Có năm xóm bạc trắng màu vôi/Những bó chiếu kìn kìn đi ngoài ngõ (...)* Cờ búa liềm lại bay đầu ống khói/Chúng tôi nhìn nhau tin tưởng bắt đầu”...

Niềm tin nhen lên, nứt ra thành những câu thơ run rẩy, chạm sâu vào da thịt, lên khoe mắt con tim: “*Sau những ngày động biển/Nhu nhú lên những cánh mận non/Những nụ hoa đang nở hồng hồng (...)* Những đôi chân trắng ngần trên cỏ/Những ngón tay quấn quýt (...) Những cái hôn luôn mới/Cái hôn đầu tiên”.

Khác với phần lớn các nhà thơ đương thời, ngay khi đang tràn đầy niềm tin xây dựng cuộc sống mới, Văn Cao đã nhìn ra mặt trái của xã hội, của thời cuộc, những góc khuất của con người, và quan trọng hơn, ông dám công nhiên nói ra điều ấy trong thơ: “*Trong những ngày khó khăn chồng chất/Kẻ thù của chúng ta xuất hiện/Những con rồng đất khi đỏ khi xanh/Lấn trong hàng ngũ/Những con bói cá/Đậu trên những dây buồm/Đang đo mực nước/Những con bạch tuộc/Bao tay chân cố dìm một con người*”... Chính cái nhìn hiện thực và khát vọng về cái toàn bích khiến *Những người trên cửa biển* trở nên vạm vỡ, xuất sắc vượt thời gian.

Viết về Hải Phòng, nơi đầu sóng ngọn gió, song sức khái quát của trường ca lại là câu chuyện đất nước, như câu thơ ông viết: “*Tôi yêu Hải Phòng như Việt Nam nhỏ lại/Tôi yêu Việt Nam như tôi biết yêu tôi*”. Về trường ca *Những người trên cửa biển*, Nguyễn Đình Thi cho rằng đó là “những câu thơ biến hóa mà chân chất, nặng nghĩa tình với cuộc đời lam lũ những con người đã làm nên Hải Phòng của đất nước”, “bài thơ ấy đã in dấu không nhà trong thơ hiện đại của ta” [16].

Có thể nói, *Những người trên cửa biển* là kết tinh đỉnh cao tài năng, tráng chí, ý thức công dân và con người nghệ sĩ Văn Cao, xứng đáng là một kiệt tác của thơ ca Việt Nam hiện đại.

Thơ ca dường như gắn chặt với bản mệnh, thân phận nhà thơ. Ngay sau Trường ca *Những người trên cửa biển*, sau “tiếng reo một mình”, là nỗi u ám khôn nguôi, một dự cảm u hoài về tương lai: “*Tất cả hướng về biển/Bọt cứ tan trên bãi cát xa/Mà cửa biển vẫn im lìm chưa mở*” (Anh có nghe không, 1956).

Như đã nói, thơ Văn Cao chủ yếu là tiếng nói thầm. Ông chọn nói thầm, hay lịch sử chọn ông để nói thầm, trong những phút cuồng nộ nhất và ở những thời đoạn tiếng nói số đông ưu thắng. Sau sự kiện “Nhân văn - Giai phẩm”, Văn Cao sống khép mình như một vốn dĩ định mệnh. Từ đây là quãng đời u uẩn buồn bã của ông, nhưng cũng là lúc thơ ông có những nhánh rẽ đa dạng nhất. Giai đoạn này, Văn Cao gần như đứng ngoài mọi sinh hoạt văn nghệ số đông. Ông không còn viết ca khúc, không vẽ tranh sơn dầu, chỉ làm tranh minh họa, trang trí sân khấu, vẽ bìa sách, và thầm lặng viết thơ. Tâm hồn ông ngao du và dính chặt trong những cuốn sổ thơ. Thơ ông thời kỳ này như hạt mầm nảy ra từ cay đắng, và theo lẽ thường, sẽ là những hạt mầm quý giá và thành thực nhất.

Văn Cao cô đơn nhưng không đơn độc. Xung quanh ông có rất nhiều bạn văn, gần hoặc xa, ở những thể cách khác nhau, cùng lứa bên trời. Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Phùng Quán... và rất nhiều người trẻ. Có thể nói, vợ con và những người bạn văn nghệ luôn cộng cảm bên ông trong tình yêu mãnh liệt thăm sâu đã giúp ông, và cùng ông đi qua sóng gió thời cuộc. Tuy nhiên, khác với Trần Dần níu vào thơ thị giác, đồng dao, Dương Tường chọn lối thơ “con âm”, thơ ngoài lời, Lê Đạt đi tìm “bóng chữ”, Hoàng Cầm nương náu vào Kinh Bắc, Văn Cao lại chọn cách nhìn thẳng vào hiện thực. Từ 1960 là giai đoạn u uẩn, đói khổ, dần vật của Văn Cao. Có lẽ, khi cô đơn, người ta sẽ “nghe, nhìn, nghĩ, trải, thấy” được nhiều hơn về sự sống - cái chết, về đúng - sai, thật - giả, về cái thăm sâu của lòng người. Đối diện mình trong những bài thơ chép sổ và bóng tối căn phòng, với những u uẩn đời mình, Văn Cao nghe thấy: “*Tiếng kêu ở trong tôi/Có xót xa có cả vui mừng/Tiếng kêu của một khúc thép đỏ/Trong chậu nước*” (Cạn).

Giai đoạn này, có một Văn Cao luôn cất vắn cuộc đời. Cái nhìn Văn Cao xuyên thấu thực tại, vừa cụ thể, phần nộ, vừa xót xa: “*Chúng nó còn ở lại/Trong những áo dài đen nham hiểm/Bẻ cổ bẻ chân đeo tội ác cho người/ Chúng nó còn ở lại/Trong những tủ sách gia đình (...) Chúng nó còn ở lại/Trong những tuổi bốn mươi.../Chung quanh còn những người khôn ngoan/Không có mồm/Mắt không bao giờ nhìn thẳng (...) Anh có thấy không/Chỗ nào cũng có tiếng/Chưa nói lên.*” (Anh có nghe không, 1956).

Ước mộng tự do tan theo mây khói. “Con vẹt” là một ẩn dụ chua chát của Văn Cao, phải vậy chăng: “*Một con vẹt từ đâu lại/Hãy còn biết bay/Một con vẹt từ nhà ai lại/Hãy còn biết bay (...)/Tôi tìm một sợi xích to hơn/Lần này hẳn sẽ không bay đi nổi/Ngày ngày hẳn đứng im nhìn tôi/Kêu lên một vài tiếng lanh lảnh/Trông mặt còn có vẻ hung dữ/Nhưng sợi xích thì khá to và nặng/Vài tháng sau tôi thả hẳn/Vì nghĩ lẩn thẩn về cái tự do/Nhưng hẳn không bay nữa/Vẫn sống tha thẩn bên công gạo*” (Con vẹt, 1957).

Lịch sử và thời cuộc khiến lòng người chia cắt. Bạn bè kẻ ở người đi. “*Những người đi buổi ấy/Bây giờ còn lại bao nhiêu*”. Trên đoạn đời hoang lạnh, Văn Cao may mắn có người vợ tao khang, bà Thúy Băng, người mà không ít lần ông neo gửi nỗi cô đơn trong trang viết. Hóa ra, tác giả *Quốc ca* hùng tráng rất nhiều khi hiện ra trong hình hài một người đàn ông nhỏ bé, run rẩy, mỏng manh: “*Những lúc này lại vui đầu vào em/Đôi môi em một hơi rượu nồng/Chúng ta ngủ tìm một cơn mộng/Quên một ban ngày đã qua nhọc nhằn chịu đựng/Biết bao nhiêu lần tìm quên như đêm nay*” (Quên, 1957); “*Em ở đây với anh/Cho bớt lạnh sáng mùa xuân náo nức/Thịt da em cho anh sưởi/Hơi ấm mình con chim khuyên/Trong lòng bàn tay/Run rẩy*” (Năm buổi sáng không có trong sự thật, 1960); “*Giữa những ngày dằng dặc/Chỉ còn khuôn mặt em/Sáng trong và bình lặng/Dù hai đứa chúng ta/Chưa lúc nào sung sướng (...)/Trên đường đi/Khuôn mặt em làm giêng/Để anh tìm làm đáy ngọc châu/Ôi khuôn mặt sáng trong và bình lặng/Tôi được đầu tiên và còn lại cuối cùng*” (Khuôn mặt em, 1974). Trong cảm niệm của Văn Cao, chỉ tình yêu đích thực mới đủ sức hóa giải sự phi lí, vô nghĩa, những bất công và khổ đau của cuộc đời này, chỉ tình yêu mới giúp chúng ta vượt qua cô đơn và cái chết.

Đọc những câu thơ thể này mới thấy cái thao thức, cô độc trong con người nghệ sĩ của Văn Cao: “*Những tư tưởng sâu như lòng mở/Những khát vọng mệnh mông không đáy mong manh (...)/Những buổi trưa sống trong mười năm tôi ít sống/Trong mười năm trên được đi không kịp*

ráo mồ hôi” (Trên đường, 1957). Cũng chính Văn Cao trở thành một trong số rất ít các nhà thơ nói về những vùng đau, trong bối cảnh “không được phép” ấy. Những câu thơ trong bài *Gửi mẹ* cho thấy sự mẫn cảm và can trường của ông, cũng là bằng chứng đê kháng định, Văn Cao không vì bất cứ lý do gì để nói ngược trái tim mình: “*Mẹ 70 tuổi rồi/Sáu đứa con xa mẹ/Nhớ con tìm học chữ/Kháng chiến chờ đưa thư/Một cái thư thứ nhất/Một đứa chết Sơn Tây/Một cái thư thứ hai/Một đứa chết Nam Định/Một cái thư thứ ba/Một đứa chết Hà Nam/Một cái thư thứ tư/Mẹ không đọc được nữa/Mắt mẹ đã lòa rồi...*” (Gửi mẹ, 1957).

Cùng thời gian viết *Mấy ý nghĩ về thơ*, Văn Cao tuyên ngôn dứt khoát, nhưng là sự dứt khoát của một tàn phai: “*Giữa sự sống và cái chết/Tôi chọn sự sống/Để bảo vệ sự sống/Tôi chọn cái chết*” (Chọn, 1957).

Khác với các nhà thơ đương thời, cuộn mình theo dòng thác lịch sử, Văn Cao chăm chú nhìn sâu vào lòng người. Cảm thức chua xót này, không ít lần người ta bắt gặp trong thơ ông: “*Tôi đã gặp lại anh/Im lìm như một bức tranh/Người anh dẹt như một con dao/Gây nhiều vết thương cho bạn hữu/Anh mang trong tôi nhiều bộ mặt/Đâu là cái cuối cùng/Chỉ còn hai con mắt/Trắng đã không thể dối lừa*” (Về một người bạn, 1960).

Cũng thời kỳ này, Văn Cao viết *Năm buổi sáng không có trong sự thật*. Ở đây, thêm một lần mô típ “biến mất” của văn chương phi lí được tái hiện. Dùng cái phi lí để diễn tả những sự thật tâm trạng và cái vô nghĩa, giả trá của con người, bài thơ thấp thoáng bóng hình của chủ nghĩa hư vô, một tiếng thơ lạc điệu hoàn toàn so với không gian văn học sử thi đang thống ngự thời điểm đó. “*I) Ngủ dậy một sáng/Cả phố biến đâu mất/Không một bóng người đi (...)* II) *Buổi sáng nay không nghe tiếng chim hót/Tôi bước đi không thấy tiếng chân đi.../Hình như nơi đây/Bị đày trong im lặng; III) Buổi sáng nay không phải mình thức dậy/Một người nào đó trong tôi đang thở (...)/Từ phút ấy, tôi không còn thật nữa; IV) Buổi sáng nay cả phố phường như mở hội/Mọi người đeo mặt nạ đi chơi (...)/Họ vui làm sao/Ô kìa/Nước mắt mồ hôi/Sao chảy ra trên từng mặt nạ/Từng con người/Vội vàng lau mồ hôi và nước mắt/Trên những mặt nạ giấy bồi; V) Những cánh cửa đều khóa chặt/Trong gian phòng trong suốt thủy tinh/Em ở đây với anh/Cho bớt lạnh sáng mùa xuân nào nức (...)* (1960).

Văn Cao vốn làm thơ rất ít, giai đoạn này ông chủ yếu viết cho mình, do thế sự cô đơn dường như càng vọng động thâm thía hơn. Nỗi cô đơn có lẽ bắt nguồn từ một trực giác nghệ sĩ quá lớn của nhà thơ: “*Có lúc/ban ngày nghe lá rụng sao hoang hốt/có lúc/nước mắt không thể chảy ra ngoài được*” (Có lúc, 1963), để rồi: “*Khi tôi hú lên thật to/Không nghe tiếng tôi nữa/Như viên đá rơi vào im lặng/Những ngọn núi dựng lên đen trũi/Bờ một cái vực không lỏ*” (Lòng núi, 1963)...

Thơ Văn Cao dành nhiều tâm tư cho bạn. Bài nào cũng có vẻ riêng, tràn đầy thương mến. Điều đặc biệt là, ông luôn nhìn thấy ở những người bạn của mình những góc khuất, góc buồn, khoảng trống, bất kể họ đang nộ khí hay lặng lẽ âm thầm.

Với Nguyễn Huy Tưởng: “*Tôi vẫn thấy sau chén trà nhỏ/Một khoảng trống thăm sâu*” (Với Nguyễn Huy Tưởng, 1960); với Nguyễn Tuân: “*Chúng tôi nói như không nói/Im lặng nói nhiều hơn (...)/Mắt anh và mắt tôi/Một lớp tro đang dòng dòng kéo sợi*” (Đôi bạn, 1967); với Nguyễn Sáng: “*Bởi tôi đã nhớ một chỗ ngồi một không khí và nhớ những bước đêm/ngà ngà say chạng vạng trên một con đường tàu (...)/Bởi vì tôi nhìn thấy ở đây chỉ có một mình/và giữa đêm khuya lại trở về một mình qua con đường tàu than bụi/Tôi đã lại tìm một cái gì không thể thấy được*” (Đêm quán, 1967); với Bùi Xuân Phái: “*Từ con mắt không ngủ/Từ bàn tay không nghỉ/Anh vẽ/phố Phái/Đến lúc nào phố anh có người thêm*” (Phố Phái, 1967); với Dương Tường: “*Ở đây tôi gặp một phố mắt/Sầu tối và xa lạ (...)/Đêm nay đứng bên góc bàn đèn cháy/Một dãy tường đổ mở ra một khoảng trời sao*” (Phố mắt, 1967); với Nguyên Hồng: “*Riêng anh niềm xúc động của tôi/Nhìn anh Hải Phòng chúng ta còn lại/Một đường An Dương một con sông Cẩm/Nhớ/Con sông nhớ anh (...)* Anh Nguyên Hồng hi vọng” (Với Nguyên Hồng, 1967)...

Như đã nói, Văn Cao không phải người duy nhất kiên định trên con đường hiện đại hóa thơ.

Miền Bắc 1954 - 1975, trong những không gian đặc thù luôn có những thi nhân ẩn mình trong bóng tối, “phục xuống để viết”, viết ra những bài thơ của tương lai.

Có lẽ, do tách mình khỏi số đông, Văn Cao có nhiều thiệt thòi nhưng bù lại cho sự khác biệt nghiệt ngã ấy, thơ ông trở nên giàu suy niệm. Có một Văn Cao luôn bớt đi sự phong nhiêu của từ ngữ để bù lại bằng những vọng động sâu xa: “*Tôi/Một trái cây muộn còn sót lại cành/Vị cuối cùng/Mùa cuối cùng/Rớt xuống (...)/Mới thật hiểu/Sự sống thật của mình*” (Sự sống thật, 1970).

2.4. Giai đoạn sau 1975

Thơ Văn Cao sau 1975 tiếp tục mạch suy cảm trữ tình - thế sự. Sau cái *Mùa xuân đầu tiên*, đặt diu vui, đặt diu buồn ấy, là một khoảng trống vô biên: “*Một cái bình vỡ/Một khoảng trống/Một người đi xa/Một khoảng trống mênh mông/Đêm nay thay phiên gác/Anh lập vào/khoảng trống/của tôi*” (Khoảng trống, 1987). Giai đoạn này, Văn Cao có những bài thơ rất hay về Huế (*Đêm phá Tam Giang*, 1985; *Huế xưa*, 1987), về Quy Nhơn (*Quy Nhơn I*, *Quy Nhơn 2*, *Quy Nhơn 3*, 1985), nơi ông có những kỷ niệm đẹp sau một quãng trầm, ít khi ra khỏi Hà Nội, cũng là sự tiếp nối mạch cảm xúc trữ tình giàu suy tưởng về quê hương đất nước đã có (và ít nhiều bị đứt gãy) trong những giai đoạn trước đó (*Bến Ngự trên thương cảng*, 1955; *Những người trên cửa biển*, 1956; *Lên Tây Bắc*, 1960; *Một đêm Hà Nội*, 1967...). Ba bài thơ về Quy Nhơn ngày sau đó được in trên Báo Văn nghệ, chầm dứt gần 30 năm vắng bóng thơ Văn Cao trên mặt báo.

Thời kỳ này, cảm quan về đời sống của Văn Cao lắng đọng theo một chiều hướng khác. Vẫn lối thơ suy tưởng, ngôn từ dồn nén, nhưng xúc cảm đã chuyển hóa từ u uẩn phảng phất buồn đau sang trạng thái an nhiên, đây đó thoáng chút vô ưu trước những rạn vỡ của thời gian: *Thời gian qua kẽ tay/Làm khô những chiếc lá/Kỷ niệm trong tôi/Rơi như tiếng sỏi trong lòng giếng cạn/Riêng những câu thơ còn xanh/Riêng những bài hát còn xanh. Và đôi mắt em như hai giếng nước* (Thời gian, 1987).

Cuối đời, thơ Văn Cao suy ngẫm nhiều về cái “phi lí” của đời mình, cũng là câu chuyện của tha nhân: “*Tôi chạy/ tôi chạy /tại sao tôi chạy?(...)/ tôi chạy bạt mạng/ gần hết đời (...)/ Tôi rơi vào mạng nhện/ mạng nhện cuốn lấy tôi/ Không còn cách gì gỡ được/ tôi như con sâu tằm/ cuộc đời cứ như thế/muốn phá cái mạng nhện tôi không đủ tay*” (Khúc biến tấu tuổi 65, 1988). Khi cái cô đơn nghệ sĩ không còn bằm dập, ưu uẩn, thơ Văn Cao lúc này như những dòng chảy mơ hồ trôi mênh mông. Tư duy và mạch cảm xúc trong ông dường như hồi cố về bản nguyên của mùa thu vĩnh cửu. Nỗi buồn nhẹ tênh, không còn buồn tàn thu, mùa thu mở lối cho người nghệ sĩ thiên tài bước chân vào vĩnh cửu: “*Gió cứ như không/trôi qua cửa sổ/một mảnh trời xám/xuống dần/xuống dần/Có tà áo trắng/loang qua khung cửa/mùa thu phai đi/màu hoàng lan/nghe ai nhắc/người mong tìm gặp/nắng chuyển dần/trên thềm đá cũ/mùa thu năm nay/không mưa ngâu*” (Mùa thu, 1992).

Thơ Văn Cao chủ yếu là thơ tự do, hiện đại trong cấu tứ, hình ảnh, từ ngữ. Ông tối giản lời, ưa dồn nén. Cách đặt tên nhan đề, cấu trúc bài thơ luôn được ông lạ hóa, độc đáo nhưng không bí hiểm: “*Từ trời xanh/rơi/vài giọt tháp Chàm/quanh Quy Nhơn/tôi như đứa nhỏ yêu huyền thoại*” (Quy Nhơn III); “*Thời gian qua kẽ tay/làm khô những chiếc lá/Kỷ niệm trong tôi/Rơi/như tiếng sỏi/trong lòng giếng cạn/Riêng những câu thơ/còn xanh/Riêng những bài hát/còn xanh/Và đôi mắt em/như hai giếng nước*” (Thời gian). Ông ý thức rõ, cái mới trong nghệ thuật “đâu phải là cái không có sẵn”, “sự làm mới những cái sẵn có cũng là một phương pháp sáng tạo” [17]; “Người làm thơ biết thành lập cho mình một cá tính trong suy nghĩ, trong tình cảm, trong cảm giác...” [18]. Có cơ sở để nói, thơ Văn Cao có nhiều đóng góp về thi pháp, cấu trúc, song dường như nổi bật hơn bởi sự hiện diện độc đáo của một cái nhìn. Trong “*Mây ý nghĩ về thơ*”, Văn Cao từng bộc bạch: “Chúng ta đã qua một thời kỳ dài thiên về cảm xúc và một thời kỳ cảm giác, cái thời kỳ thiên về tư tưởng có phải đang bắt đầu không?”.

3. KẾT LUẬN

Thơ Văn Cao tuy không dồi dào về số lượng nhưng có một vị trí đặc biệt trong tiến trình thơ Việt Nam hiện đại. Dưới cái nhìn lịch sử và qua phân tích thể giới thơ Văn Cao, có thể nhận ra dáng nét của một tư duy thơ vừa độc đáo, vừa đa dạng. Trong cuộc đời nghệ sĩ của mình, Văn Cao trước sau quyết tìm đường riêng, đi đường riêng, không theo lối mòn của số đông. So với chính các nhà thơ cách tân cùng thời như Trần Dần, Lê Đạt, Dương Tường, Đặng Đình Hưng, thơ Văn Cao không bám theo “dòng chữ”, mà gắn chặt với hiện thực và tư tưởng, trong khi không lẫn với số đông. Tư duy thơ Văn Cao triển hiện nhuần nhị trong cái nhìn, cảm nhận và diện mạo thi pháp riêng, được hun đúc từ tài năng và bản lĩnh của ông. Với Văn Cao, thơ gắn chặt với thân phận của ông. Nguyễn Thụy Kha cho Văn Cao là người “chín sớm bằng âm nhạc”, “chín muộn bằng thi ca” và nhiều tiếc nuối nhất trong hội họa [19]. Có thể nói, trong những giai đoạn ngặt nghèo nhất của cuộc đời, thơ Văn Cao đã có những đóng góp quan trọng vào tiến trình cách tân thơ ca Việt theo hướng hiện đại. Không thể giản đơn nói đời Văn Cao buồn nhiều hơn vui, nhưng chắc chắn buồn dài hơn vui, “cái buồn lưu cữu”, “sau cuộc vui chóng tàn, lại ập đến” [20]. Văn Cao cảm thấy mình được “giải phóng” và thanh thản nhiều hơn từ sau 1983 [21], muộn hơn rất nhiều cái “mùa bình thường mùa vui nay đã về” ông từng viết.

Độ lùi thời gian giúp ta nhìn rõ hơn một Văn Cao vinh quang lẫn lừng bên một Văn Cao buồn tủi. Có điều chắc chắn là, trong những thời đoạn thăng trầm nhất của lịch sử, của đời người, Văn Cao luôn quyết liệt bảo vệ cái mới, không bao giờ phản bội lý tưởng, phản bội chính mình. So với những tài danh nghệ thuật cùng thế hệ, Văn Cao dường như luôn trác việt hơn họ, về mọi nhẽ, cả vinh quang lẫn đắng cay, bởi một điều riêng khác: ông mang phẩm chất và bản mệnh của một thiên tài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Cầm, 2013. “Nhớ Văn Cao và câu chuyện làm thơ”, in trong: *Văn Cao - Tác phẩm thơ* (nhiều tác giả). Nxb. Hội Nhà văn, tr.219-225.
2. Hoàng Phủ Ngọc Tường, 2013. “Cảm nhận Văn Cao”, in trong: *Văn Cao - Tác phẩm thơ*. Tài liệu trên, tr.240-246.
3. Thanh Thảo, 2013. “Văn Cao thơ”, in trong: *Văn Cao - Tác phẩm thơ*. Tài liệu trên, tr.190-192.
4. Nguyễn Trọng Tạo, 2013. “Ba biến khúc của Văn Cao”, in trong: *Văn Cao - Tác phẩm thơ*. Tài liệu trên, tr. 193-201.
5. Đặng Tiến, 2013. “Văn Cao lá khát vọng”, in trong: *Văn Cao - Tác phẩm thơ*. Tài liệu trên, tr.274-300.
6. Thiên Sơn, 2013. “Nhà thơ Văn Cao”, in trong: *Văn Cao - Tác phẩm thơ*. Tài liệu trên, tr.263-273.
7. Văn Giá, 2023, “Thơ chân thương của Văn Cao”, in trong: *Văn Cao - Mùa chữ, mùa người* (nhiều tác giả). Nxb. Hội Nhà văn, tr.33-50.
8. Nguyễn Hoài Nam, 2023. “Văn Cao, một tiếng thơ vang vang cả lòng cả đáy”, in trong: *Văn Cao - Mùa chữ, mùa người*. Tài liệu trên, tr.89-100.
9. Bùi Việt Thắng, 2023. “Văn Cao thơ - hôm qua và hôm nay”, in trong: *Văn Cao - Mùa chữ, mùa người*. Tài liệu trên, tr.189-198.
10. Văn Cao, 2013. “Mấy ý nghĩ về thơ”, in trong *Văn Cao - Tác phẩm thơ*. Tài liệu trên, tr.8.
11. Văn Cao, 2013. “Mấy ý nghĩ về thơ”, in trong *Văn Cao - Tác phẩm thơ*. Tài liệu trên, tr.9.
12. Các trích dẫn thơ trong bài lấy từ: *Văn Cao - Tác phẩm thơ*. Tài liệu đã dẫn trên.
13. Hoàng Phủ Ngọc Tường, 2013. “Cảm nhận Văn Cao”, in trong: *Văn Cao - Tác phẩm thơ*. Tài liệu trên, tr. 243.

14. Văn Cao, 2013. “Mấy ý nghĩ về thơ”. Tài liệu trên, tr.7.
15. Văn Cao, 2013. “Mấy ý nghĩ về thơ”. Tài liệu trên, tr.8.
16. Nguyễn Đình Thi, 1998. “Chào anh đi xa”, in trong: *Văn Cao - Cuộc đời và tác phẩm*. Nxb. Văn học, tr.298.
17. Văn Cao, 2013. “Mấy ý nghĩ về thơ”. Tài liệu trên, tr.8.
18. Văn Cao, 2013. “Mấy ý nghĩ về thơ”. Tài liệu trên, tr.10.
19. Nguyễn Thụy Kha, “Người viết Quốc ca đã đi vào bất tử”, in trong: *Văn Cao - Cuộc đời và tác phẩm*. Tài liệu trên, tr. 432-433.
20. “Văn Cao vui và buồn sang tuổi cổ lai hi” (phỏng vấn do Nguyễn Thụy Kha thực hiện), in trong: *Văn Cao - Cuộc đời và tác phẩm*. Tài liệu trên, tr. 423.
21. Năm 1983, Văn Cao được sang Đức nghiên cứu và nghỉ dưỡng hai tháng. Mùa thu 1983, các tác phẩm lãng mạn của ông được hát trở lại. Cũng năm 1983, tại Đại hội Hội Nhạc sĩ Việt Nam lần thứ III, Văn Cao trúng cử Ban Chấp hành Hội. Năm 1985, Văn Cao in thơ trở lại. Năm 1988, xuất bản tập thơ *Lá*; cùng năm đó là 60 đêm nhạc Văn Cao, ấn hành tập nhạc *Thiên Thai*, nhận Huân chương Độc lập hạng Ba. Năm 1993, nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất. Năm 1994, xuất bản *Tuyển tập thơ Văn Cao*. Năm 1996, Văn Cao được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

POETIC THINKING OF VAN CAO

Abstracts: *Van Cao has made prominent contributions to poetry, but the study of his poetry has not yet received adequate attention. Approaching Van Cao's poetry from the aspect of poetic thinking helps interpret the depths of creativity in his works, thereby observing the changes of concepts, perspectives and plentiful of manifestations in Van Cao's world of art. Here, we do not consider poetic thinking in terms of categories. Instead, we focus on analyzing the expressions of Van Cao's poetic thinking through his world of poetic art. By using systematic methods and taking a historical perspective, the article analyzes the characteristics of Van Cao's poetic thinking through his creating stages to point out his own uniqueness and contributions to the process of modern Vietnamese poetry.*

Keywords: *Van Cao, poetry, thinking, point of view, poetics*